TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/DS-ST
Ngày: 26/01/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Qúy

2/ Bà Hồ Thị Thanh Dung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương -Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 364/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 628/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Trụ sở: số A, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: số B đường H, phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn D- sinh năm 1995

Địa chỉ: số C đường Đ, Phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Văn bản ủy quyền số 1460/UQ-GĐK-TDTD ngày 03/9/2017

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L- sinh năm 1972

Cư trú: số E, đường P, khu phố X, phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2017 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 18/01/2015, bà Nguyễn Thị L đã ký kết đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150126-801002-0075 với Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng, không có tài sản bảo đảm, với lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Ngày 28/01/2015, Ngân hàng đã chấp nhận phê duyệt khoản vay này. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 67.911.000 (sáu mươi bảy triệu chín trăm mười một ngàn) đồng (bao gồm cả gốc và lãi) trả chậm trong vòng 27 tháng, 26 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 2.501.000 (hai triệu năm trăm lẻ một ngàn) đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 2.885.000 (hai triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn) đồng. Bắt đầu thanh toán từ ngày 01/3/2015 vào ngày 01 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng, ngày 29/01/2015 Ngân hàng đã giải ngân cho bà L số tiền 42.000.000 (bốn mươi hai triệu) đồng và bà L đã nhận số tiền này. Tuy nhiên bà L chỉ trả nợ được 08 lần với số tiền là 19.006.000 (mười chín triệu không trăm lẻ sáu ngàn) đồng. Phần nợ còn lại bà Nguyễn Thị L không thanh toán dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở.

Do bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ chưa thanh toán.

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán số tiền là 52.905.000 (năm mươi hai triệu chín trăm lẻ năm ngàn) đồng, trong đó nợ gốc là 36.085.671 (ba mươi sáu triệu không trăm tám mươi lăm ngàn sáu trăm bảy mươi mốt) đồng và tiền lãi là 16.819.329 (mười sáu triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm hai mươi chín) đồng. Tuy nhiên, trong quá trình khởi kiện thì bà L đã trả thêm được một phần khoản nợ nên tại phiên tòa Ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng yêu cầu bà L thanh toán số tiền còn nợ đến nay chưa thanh toán là 48.905.000 (bốn mươi tám triệu chín trăm lẻ năm ngàn) đồng, trong đó nợ gốc là 34.749.055 (ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn không trăm năm mươi lăm) đồng và tiền lãi là 14.155.945 (mười bốn triệu một trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm bốn mươi lăm) đồng. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ L vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an phường Y, quận T thì bà Nguyễn Thị L hiện đang cư trú tại quận T nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, Ngân hàng thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền yêu cầu bà L phải trả do trong quá trình khởi kiện thì bà L đã trả một phần khoản nợ. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của Ngân hàng là phù hợp, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 28/01/2015 giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị L đã ký kết đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20150126-801002-0075. Theo đó, Ngân hàng cho bà L vay số tiền 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng, lãi suất 3.75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay là 27 tháng. Theo thỏa thuận bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc và lãi là 67.911.000 (sáu mươi bảy triệu chín trăm mười một ngàn) đồng trong vòng 27 tháng. Trong đó, 26 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 2.501.000 (hai triệu năm trăm lẻ một ngàn) đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 2.885.000 (hai triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn) đồng. Bắt đầu thanh toán từ ngày 01/3/2015 vào ngày 01 hàng tháng.

Các bên giao kết hợp đồng vào ngày 28/01/2015, thỏa thuận trả góp trong vòng 27 tháng. Bắt đầu thanh toán từ ngày 01/3/2015 vào ngày 01 hàng tháng, thời hạn kết thúc theo thỏa thuận sẽ là ngày 01/5/2017. Như vậy, tính đến thời điểm ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành) thì giao dịch của các bên đang được thực hiện. Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và theo quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp này là Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị L đã nhận đủ số tiền vay nhưng chỉ thanh toán được số tiền là 19.006.000 (mười chín triệu không trăm lẻ sáu ngàn) đồng. Phần nợ còn lại bà Nguyễn Thị L không thanh toán dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, nay Ngân hàng thương mại cổ phần V yêu cầu bà Nguyễn Thị L thanh toán toàn bộ số tiền còn lại là 48.905.000 (bốn mươi tám triệu chín trăm lẻ năm ngàn) đồng, trong đó nợ gốc là 34.749.055 (ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn không trăm năm mươi lăm) đồng và tiền lãi là 14.155.945 (mười bốn triệu một trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm bốn mươi lăm) đồng. Do bà L đã vi phạm thỏa thuận với

Ngân hàng, không trả nợ đúng hạn nên yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V được chấp nhận nên bị đơn là bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463, Khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 48.905.000 (bốn mươi tám triệu chín trăm lẻ năm ngàn) đồng, trong đó nợ gốc là 34.749.055 (ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi chín ngàn không trăm năm mươi lăm) đồng và tiền lãi là 14.155.945 (mười bốn triệu một trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm bốn mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị L còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền nợ gốc chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải nộp 2.445.250 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 1.322.625 đồng (một triệu ba trăm hai mươi hai ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0015861 ngày 25/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy